TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 21/01/2025
"Về tranh chấp hợp đồng dân sự vay có cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 791/2024/TLST-DS ngày 05/11/2024, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 625/2024/QĐXXST-DS ngày 16/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 03/01/2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Trụ sở chính: phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K N - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thanh L, sinh năm 1990, là nhân viên của Công ty *(Có mặt)*

Địa chỉ chi nhánh: Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1994; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần S, ủy quyền cho bà Trần Thanh L trình bày:

Công ty TNHH S có đăng ký hoạt động cầm cố tài sản.

Hiện nay công ty đã đăng ký đổi tên là Công ty Cổ phần S vào ngày 26/9/2023 theo Quyết định số 103/QĐ-HĐQT về việc chuyển nhượng vốn góp và chuyển đổi loại hình công ty (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Ngày 07/10/2020, bà Phạm Thị Kim T có đến Chi nhánh Cao Lãnh I của Công ty để ký hợp đồng cầm cố tài sản số CLM201001011NA20X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc gia: Giaodichdambao/botuphap:1468110821.

(Web: https://dktructuyen.moj.gov.vn).

Bà Phạm Thị Kim T ký hợp đồng cầm cố tài sản là: Xe nhãn hiệu: HONDA; Biển số xe: 66F1-854.74; loại: WAVE; Số khung: RLHJA3915LY280177; Số máy: JA39E1618540; Số tiền cầm cố là: 14.700.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); Thời hạn cầm cố: 12 tháng; Lãi suất là: 1,1%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí thẩm định tài sản: 4%/tháng. Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 14.700.000 đồng vào ngày 07/10/2020.

Ngày 07/10/2020, bà Phạm Thị Kim T có đơn mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại, hiện nay Công ty không có quản lý chiếc xe. Quá trình trả nợ, bà Tkhông thực hiện việc trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại chiếc xe máy.

Nay, Công ty Cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Kim T thanh toán số tiền còn thiếu tổng cộng: 26.377.435 đồng đồng (tạm tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2025); trong đó gồm: tiền vốn gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng; tiền lãi quá hạn: 9.710.085 đồng.

Ngoài ra, bà Phạm Thị Kim T còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng cầm cố đã ký là 1,65% kể từ ngày 22/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên hòa giải, Công ty có yêu cầu bà Ttrả số tiền Phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản: 7.154.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản; chỉ yêu cầu bà Ttrả số tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn như trên; không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với tài sản là xe máy mà bà Tđã cầm cố cho Công ty, hiện Công ty đã cho bà Tmượn lại.

** Bị đơn bà Phạm Thị Kim T vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu về việc giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay theo hình thức cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều

Điều 309; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại Hợp đồng cầm cố hai bên đương sự thỏa thuận khi có tranh chấp xảy ra tại nơi ký kết hợp đồng là Chi nhánh Công ty có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn bà Phạm Thị Kim T không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố: CLM201001011NA20X ký ngày 07/10/2020 giữa Công ty và bà Tđể bà Tvay số tiền 14.700.000 đồng, được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phù hợp với quy định với Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tkhông thực hiện trả tiền gốc, lãi cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Tcó nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc còn thiếu 14.700.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi, mức lãi suất trong hạn 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 1,65%/tháng, tính từ sau ngày kết thúc hợp đồng là ngày 08/10/2021. Cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2025, tiền lãi trong hạn còn thiếu: 1.967.350 đồng. Tiền lãi quá hạn: 9.710.085 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu này của Công ty là phù hợp, nên bà Tphải có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn thiếu cho Công ty.

[2.3] Đối với bà Tđã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Bà không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền và cầm cố như thế nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định được số tiền bà Tđã trả cụ thể và các nội dung khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, quy định của pháp luật, buộc bà Ttrả tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/01/2025 theo yêu cầu của Công ty là: tiền vốn gốc: 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng. Tiền lãi quá hạn: 9.710.085 đồng. Tổng cộng: 26.377.435 đồng. Bà Tcòn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng, kể từ ngày 22/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.4] Đối với yêu cầu của Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của Công ty là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó,

căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu bà Ttrả tiền phí quản lý hồ sơ, hao mòn tài sản….

[2.5] Đối với việc xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe máy, đã cho bị đơn mượn lại để sử dụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày Công ty không có yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Ttrả số tiền còn thiếu như trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Tphải trả cho Công ty số tiền 26.377.435 đồng nên phải chịu án phí là 26.377.435 đồng x 5% = 1.319.000 đồng (làm tròn số).

Công ty không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 311, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 4, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim T trả tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim T trả tiền phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng hao mòn tài sản.

3/ Buộc bà Phạm Thị Kim T trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tổng cộng 26.377.435 đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.967.350 đồng; tiền lãi quá hạn: 9.710.085 đồng).

Bà Phạm Thị Kim T còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng cầm cố đã ký là 1,65%/tháng, kể từ ngày 22/01/2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn thiếu.

4/ Về xử lý tài sản cầm cố, cho mượn: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5/ Về án phí: bà Phạm Thị Kim T phải chịu 1.319.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.058.000 đồng theo biên lai thu số 0004498 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng